**Bài 6**

**HÀNH TRÌNH TRI THỨC**

**(NGHỊ LUẬN XÃ HỘI)**

**(13 TIẾT)**

**I. MỤC TIÊU**

***1. Năng lực:***

- Nhận biết và chỉ ra mối quan hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản; nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống; chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mực đích của nó.

- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống đã giúp bản thân hiểu hơn các ý tưởng hay vấn đề đặt ra trong văn bản.

- Nhận biết được đặc điểm và chức năng của liên kết trong văn bản.

- Bước đầu biết viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống, trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối) của người viết; đưa ra được lý lẽ rõ rang và bằng chứng đa dạng.

- Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống, nêu rõ ý kiến và các lí lẽ, bằng chứng thuyết phụ. Biết bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe.

***2. Phẩm chất:*** Chăm chỉ và có trách nghiệm với việc học

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

- Sưu tầm tài liệu, lập kế hoạch dạy học.

- Thiết kể bài giảng điện tử.

- Phương tiện và học liệu:

+ Các phương tiện: Máy vi tính, máy chiếu đa năng...

+ Học liệu: GV sử dụng ảnh, tranh ảnh hoặc clip về tự học, các hiện tượng XH.

+ Phiếu học tập: sử dụng phiếu học tập trong dạy học đọc, viết, nói và nghe.

**2. Học sinh.**

- Đọc phần Kiến thức ngữ văn và hướng dẫn **Chuẩn bị** phần Đọc – hiểu văn bản trong sách giáo khoa; chuẩn bị bài theo các câu hỏi trong SGK.

- Đọc kĩ phần **Định hướng** trong nội dung Viết, Nói và nghe và thực hành bài tập SGK.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.**

**Tiết 73,74: Văn bản 1**

**TỰ HỌC – MỘT THÚ VUI BỔ ÍCH**

***(Nguyễn Hiến Lê)***

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| ***KHỞI ĐỘNG*** | |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)**  - GV chiếu cho HS xem video [“Đác-uyn– Nhà](https://www.youtube.com/watch?v=hm6jfG9PJhM) [bác](https://www.youtube.com/watch?v=hm6jfG9PJhM) [học](https://www.youtube.com/watch?v=hm6jfG9PJhM) [không](https://www.youtube.com/watch?v=hm6jfG9PJhM) [ngừng](https://www.youtube.com/watch?v=hm6jfG9PJhM) [học”](https://www.youtube.com/watch?v=hm6jfG9PJhM)  - Yêu cầu: HS xem video và trả lời các câu hỏi: *Tại sao Đác-uyn dù đã lớn tuổi nhưng vẫn tiếp tục học? Theo em việc học của mỗi người có lúc nào dừng lại không? Vậy việc học có ý nghĩa gì với chúng ta?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** suy nghĩ cá nhân thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**  HS chia sẻ cá nhân, trả lời câu hỏi của GV  HS khác nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.  **Giới thiệu bài học 6:**  *Học là một hoạt động không thể thiếu đối với tất cả mọi người từ khi sinh ra cho đến suốt cuộc đời. Mỗi người muốn tồn tại phát triển và thích ứng được với XH thì cần phải học tập ở mọi hình thức bởi cuộc sống luôn vận động và phát triển không ngừng .Lê nin từng nói: “Học, học nữa, học mãi”. Câu nói đó luôn có giá trị ở mọi thời đại, đặc biệt trong xã hội ngày nay đang hướng tới nền kinh tế tri thức, nó đòi hỏi mọi người phải vận động để theo kịp sự phát triển của xã hội. Chính vì vậy mà tinh thần tự học có vai trò vô cùng quan trọng.* |  |
| ***HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI*** | |
| **Làm việc cá nhân.**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  *Đọc nhanh mục Tri thức ngữ văn – Nghị luận xã hội (SGK/Tr 5) và cho biết:*  ? VB nghị luận về một vấn đề đời sống viết ra để làm gì?  Hoàn thành bài tập điền từ còn thiếu và chỗ trống    **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.**  Hs trao đổi theo cặp trong bàn, nhớ lại kiến thức, suy nghĩ và trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  HS trả lời câu hỏi và hoàn thành bài tập  HS khác nhận xét, bổ sung  **Bước 4:Đánh giá, kết luận**  - GV nhận xét, chuẩn kiến thức | **A. Tri thức Ngữ văn**  **1. Khái niệm**  Văn bản nghị luận về 1 vấn đề đời sống (nghị luận xã hội) được viết ra để bàn về một sự việc, hiện tượng có ý nghĩa đối với xã hội, hay một vấn đề thuộc lĩnh vực tư tưởng, đạo đức, lối sống của con người.  **2. Đặc điểm**  Văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống có những đặc điểm sau:  - Thể hiện rõ ý kiến khen, chê, đồng tình, phản đối của người viết đối với hiện tượng, vấn đề cần bàn luận.  - Trình bày những lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người đọc, người nghe. Bằng chứng có thể là nhân vật, sự kiện, số liệu liên quan đến vấn đề cần bàn luận.  - Ý kiến lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí. |
| **NV1. Tìm hiểu tác giả**  **Bước 1*:* Chuyển giao nhiệm vụ:**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ: HS trao đổi cặp đôi với bạn cùng bàn về PHT1 (GV đã giao về nhà chuẩn bị từ tiết trước)  *? Giới thiệu đôi nét về tác giảNguyễn Hiến Lê?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS đại điện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo. Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định**  GV:  - Nhận xét thái độ làm việc HS  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau | **B. VB “Tự học – một thú vui bổ ích”**  **I. Trải nghiệm cùng VB**  **1. Tác giả**  Tiểu sử và cuộc đời học giả Nguyễn Hiến Lê – ECCthai  - Nguyễn Hiến Lê (1912 – 1984)  - Quê : Sơn Tây (Ba Vì – Hà Nội)  - Ông là một tác giả, dịch giả, nhà giáo dục, nhà văn hoá với nhiều tác phẩm sáng tác, biên soạn, dịch thuật nhiều lĩnh vực khác nhau. |
| **N.vụ 2. Tìm hiểu chung về tác phẩm**  **B1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  *+ GV hướng dẫn cách đọc (yêu cầu học sinh đọc trước khi đến lớp)*  *+ GV đọc mẫu thành tiếng một đoạn đầu, sau đó HS thay nhau đọc thành tiếng toàn VB.*  *+ GV hướng dẫn HS tìm hiểu chung về văn bản*  ? Nêu xuất xứ của văn bản?  ? Văn bản thuộc thể loại nào?  ? Xác định phương thức biểu đạt chính?  ? Văn bản chia làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần?  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu 1 vài cặp đôi báo cáo sản phẩm.  - HS đại điện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo.  **B4: Kết luận, nhận định**  **HS:** Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).  **GV**:  - Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi.  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau | **2. Tác phẩm**  ***a. Đọc – hiểu chú thích***  ***b. Tìm hiểu chung:***  - Trích từ tác phẩm ***Tự học – một nhu cầu thời đại***  - Thể loại: văn nghị luận  - PTBĐ: nghị luận  - Bố cục: 2 phần  + Nêu vấn đề: Từ đầu -> …*một cái thú.*  + Giải quyết vấn đề: Còn lại |
| **PHT 1**   |  |  | | --- | --- | | NHIỆM VỤ | NỘI DUNG | | 1. Giới thiệu đôi nét về tác giả? |  | | 2. Nêu xuất xứ của văn bản? |  | | 3. Văn bản thuộc thể loại nào? |  | | 4. Xác định phương thức biểu đạt chính? |  | | 5. Văn bản chia làm mấy phần? Nêu nội dung của từng phần? |  | | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *+ VB nghị luận viết ra nhằm mục đích gì?*  *+ VB Tự học – một thú vui bổ ích viết ra nhằm thuyết phục chúng ta về điều gì*  *+ Tác giả đã nêu vấn đề như thế nào?*  *+ Em có nhận xét gì về cách nêu vấn đề ấy?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc cá nhân, suy nghĩ trả lời câu hỏi  - GV gợi mở (nếu cần)  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** yêu cầu HS trả lời, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần).  **HS:**  - Trả lời các câu hỏi của GV.  - HS khác nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định (GV)**  - Nhận xét thái độ học tập qua sự chuẩn bị của HS bằng việc trả lời các câu hỏi.  - Chốt kiến thức, cung cấp thêm thông tin và chuyển dẫn sang đề mục sau. | **II. Suy ngẫm và phản hồi**  ***1. Nêu vấn đề***  - VB nghị luận được viết ra nhằm mục đích thuyết phục người đọc về ý kiến, quan điểm của người viết.  - VB *Tự học*… được viết ra để thuyết phục người đọc về lợi ích của việc tự học.  => Nêu vấn đề trực tiếp, ngắn gọn, xúc tích |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Chia nhóm lớp  - GV chuyển giao nhiệm vụ: yêu cầu HS đọc vă bản, gạch chân những ý chính trong đoạn văn. Thảo luận theo nhóm theo PHT 2, chỉ rõ những lí lẽ và dẫn chứng được tác giả nêu trong văn bản?  Câu hỏi gợi dẫn:  + *Chỉ ra các câu văn nêu ý kiến, các câu văn nêu lí lẽ, dẫn chứng trong VB?*  + HS đọc lại đoạn cuối của VB:  *? Chỉ ra những bằng chứng trong đoạn trích này?*  *? Em có nhận xét gì về những bằng chứng này?*  *? Vì sao những bằng chứng này có thể làm tăng sức thuyết phục cho đoạn trích?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, cố vấn  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS thuyết trình sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | ***2. Giải quyết vấn đề***  ***a. Ý kiến 1:****Thú tự học giống thú đi bộ*  - Lí lẽ: Tự học giúp người học hình thành tri thưc một cách tự chủ, tự do  - Dẫn chứng: Biết được viên *Dạ Minh Châu*, khúc *Nghệ thường vũ y*, kiến thức về côn trùng…  ***b. Ý kiến 2:****Thú tự học là phương thuốc chữa bệnh âu sầu*  - Lí lẽ: Việc đọc sách giúp ta cảm thấy đồng cảm, an ủi  - Bằng chứng: Bệnh nhân biết đọc sách mau lành bệnh hơn, quá trình đọc sách của Mon-ti Mông-te-xki-ơ  ***c. Ý kiến 3:*** *Tự học là thú vui tao nhã giúp nâng tầm tâm hồn ta lên*  - Lí lẽ: Tự học giúp ta tiến bộ, có thể cống hiến cho xã hội  - Bằng chứng:  + Thầy kí, bác nông phu nhờ tự học mà giỏi nghề, cống hiến -> những người tiêu biểu, quen thuộc trong đời sống -> khẳng định dù bất kì ai chỉ cần tìm tòi, học tập thì sẽ tiến bộ và có thể cống hiến cho xã hội  + Những tấm gương nhà khoa học tự học…  -> những người có sức ảnh hưởng  => Nhiều người biết, đáng tin cậy, số đông thừa nhận nên những bằng chứng này có tác dụng làm rõ cho ý kiến của người viết, dễ dàng được người đọc tin tưởng, tiếp nhận. |
| **PHT 2**  **VẤN ĐỀ CẦN BÀN LUẬN**  **Thú vui tự học**  Ý kiến 3  ……………….  ……….  Ý kiến 2  ……………………  Ý kiến 1  …………………..  Lí lẽ…………..  Dẫn chứng………..  Lí lẽ…………..  Dẫn chứng………...  Lí lẽ……….  Dẫn chứng……….. | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  HS thảo luận nhóm đôi trả lời câu hỏi  *? Những dấu hiệu nào giúp em nhận ra Tự học – một thú vui bổ ích là văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS dựa vào phần tri thức đọc hiểu thảo luận và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, gợi dẫn  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS đại diện trả lời  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | ***3. Nhận diện đặc điểm VB nghị luận về một vấn đề đời sống thể hiện qua VB***  - VB thể hiện thái độ đề cao, đồng tình của người viết với việc tự học  - VB đưa ra được lí lẽ, bằng chứng thuyết phục để làm rõ cho ý kiến, các lí lẽ, ý kiến được sắp xếp theo trình tự hợp lí ( *trước hết, hơn nữa, quan trọng hơn cả:* tăng dần theo mức độ quan trọng) để người đọc nhận ra các lợi ích của việc tự học |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  **- GV** nêu tình huống, HS trả lời:  *+ Giả sử một bạn HS chủ động tìm đến thầy cô để được hướng dẫn những vấn đề mà bạn ấy tìm tòi, nghiên cứu ở nhà, thì như thế có được tính là tự học không?*  *+ Theo em, có thể tự học thành công mà hoàn toàn không cần sự trợ giúp của người khác không?*  *+ Theo em, tự học như thế nào để hiệu quả?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, gợi dẫn  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS thuyết trình sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | ***4. Bài học***  - Tự học không phải là không cần sự trợ giúp của ai, mà là người học chủ động, tự giác trong việc học của mình, biết lên kế hoạch học tập, chủ động tìm kiếm tri thức và biết tìm sự trợ giúp khi cần thiết để việc học được hiệu quả.  - Tự học hiệu quả:  + Lập kế hoạch và mục tiêu cho việc tự học  + Lựa chọn môn học yêu thích, học xen kẽ các môn yêu thích và môn không thích  + Đặt thời gian học từ ít đến nhiều  + Tham gia vào nhóm, câu lạc bộ tự học để trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm  + Chọn cách ghi nhớ riêng :viết lại nhiều lần trên giấy, vẽ sơ đồ hệ thống, đọc to, đọc thầm…  + Kỷ luật khi học  + Thường xuyên tự kiểm tra kiến thức và ôn lại |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *- Nhận xét về nội dung và nghệ thuật của VB?*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  - Gv quan sát, gợi dẫn  **B3: Báo cáo, thảo luận**  - HS thuyết trình sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **III. Tổng kết**  **1. Nội dung:**  - VB bàn về lợi ích của tự học từ đó định hướng cho học sinh có tinh thần tự học  **2. Nghệ thuật:**  - Phương thức biểu đạt: nghị luận.  - Các lí lẽ, dẫn chứng rõ ràng, cụ thể. |
| ***LUYỆN TẬP*** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**:  \* Giáo viên tổ chức trò chơi “Bay lên nào” qua hệ thống câu hỏi:  **Câu 1**: Văn bản “Tự học – một thú vui bổ ích” đưa ra mấy ý kiến?  **- 3 ý kiến**  **Câu 2**: Dẫn chứng cho ý kiến “*Thú tự học giống thú đi bộ”*?  - Biết được viên *Dạ Minh Châu*, khúc *Nghệ thường vũ y*, kiến thức về côn trùng…  **Câu 3**: Vì sao bằng chứng “Thầy kí, bác nông phu nhờ tự học mà giỏi nghề, cống hiến” lại làm tăng sức thuyết phục cho đoạn trích?  **-** Họ là những người tiêu biểu, quen thuộc trong đời sống  - Vì họ là những người có sức ảnh hưởng lớn  **Câu 4**: VB *Tự học – một thư vui bổ ích* viết ra nhằm mục đích gì?  **-** Thuyết phục người đọc về lợi ích của việc tự học.  **Câu 5.** “Bệnh nhân biết đọc sách mau lành bệnh hơn” là dẫn chứng cho ý kiến nào?  *- Thú tự học là phương thuốc chữa bệnh âu sầu*  **Câu 6**: Văn bản “Tự học – một thú vui bổ ích” thuộc thể loại gì?  - Văn nghị luận  **Câu 7.** Nội dung chính của văn bản “Tự học – một thú vui bổ ích” là gì?  - VB bàn về lợi ích của tự học từ đó định hướng cho học sinh có tinh thần tự học  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  HS tham gia trò chơi  **B3: Báo cáo, thảo luận:**  - HS trả lời, các em còn lại theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).  **B4: Kết luận, nhận định:**  GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số hoặc bằng cách chốt đáp án đúng. | **III. Luyện tập**  **Câu 1**: Văn bản “Tự học – một thú vui bổ ích” đưa ra **3 ý kiến** ý kiến.  **Câu 2**: Dẫn chứng cho ý kiến “*Thú tự học giống thú đi bộ”*:  - Biết được viên *Dạ Minh Châu*, khúc *Nghệ thường vũ y*, kiến thức về côn trùng…  **Câu 3**:Họ là những người tiêu biểu, quen thuộc trong đời sống. Vì họ là những người có sức ảnh hưởng lớn  **Câu 4**: VB *Tự học – một thư vui bổ ích* viết ra nhằm mục đích thuyết phục người đọc về lợi ích của việc tự học.  **Câu 5.** “Bệnh nhân biết đọc sách mau lành bệnh hơn” là dẫn chứng cho ý kiến :*Thú tự học là phương thuốc chữa bệnh âu sầu*  **Câu 6**: Văn bản “Tự học – một thú vui bổ ích” thuộc thể loại văn nghị luận.  **Câu 7.** Nội dung chính của văn bản “Tự học – một thú vui bổ ích”: bàn về lợi ích của tự học từ đó định hướng cho học sinh có tinh thần tự học |
| ***VẬN DỤNG*** | |
| **B1: Chuyển giao nhiệm vụ**  *? Viết một đoạn văn nêu suy nghĩ của em về vấn đề tự học của bản thân mình.*  **B2: Thực hiện nhiệm vụ**  **GV**gợi ý cho HS bằng việc bám sát văn bản  **HS** đọc lại văn bản, suy nghĩ cá nhân và viết đoạn văn.  **B3: Báo cáo, thảo luận**  **GV** hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm trên zalo nhóm hoặc trên Padlet  **HS** nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.  **B4: Kết luận, nhận định**  - Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có) trên zalo nhóm lớp/môn… | **IV. Vận dụng**  Viết một đoạn văn nêu suy nghĩ của em về vấn đề tự học của bản thân mình. |
| ❖**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC**   1. **Bài vừa học**   - Nắm kĩ nội dung bài học.  - Hoàn thành các bài tập đã cho  **2. Bài sắp học:BÀN VỀ ĐỌC SÁCH**  **-** Đọc VB, trả lời các câu hỏi suy ngẫm và phản hồi. | |